

Bản án số: 07/2018/HC-PT

Ngày: 26 - 9 - 2018

V/v “*Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý nhà nước về
chứng thực*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan
Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Mên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 03/2018/TLPT-HC ngày 13 tháng 8 năm 2016 về “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chứng thực*”

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh bị kháng nghị, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2018, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 12/TB-TA ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị N (tên gọi khác: Đỗ Thị Quỳnh N), sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Số 17/19, đường P, khu phố T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thiết H, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Số 82, đường A, khu phố E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (*Văn bản ủy quyền ngày 24/02/2017*)

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Địa chỉ: Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lưu Hoàng D1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

- Ông Lưu Hoàng D2, sinh năm 1983 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 17/17, đường P, khu phố T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Bà Lưu Thị Thùy D3, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 392, Tổ 10, khu phố T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Ông Lưu Hoàng D4, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 14, Quốc lộ 13, khu phố M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà Phạm Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bà N – ông Trần Thiết H thống nhất trình bày:

Cụ ông Đỗ Văn K (chết ngày 28/4/1994), cụ bà Nguyễn Thị C (chết ngày 08/4/1998) là ông nội, bà nội của bà Phạm Thị N (tên gọi khác Đỗ Thị Quỳnh N). Cụ K, cụ C có những người con sau: ông Đỗ Văn T1 (tên gọi khác: Trần Đại H1) chết ngày 23/7/2008; ông Đỗ Văn T2 chết ngày 01/01/1983; ông Đỗ Văn B chết ngày 23/01/1971; bà Đỗ Thị T3 chết ngày 14/8/2009. Bà N là con của ông Đỗ Văn B. Cụ Đỗ Văn K chết để lại tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 3.917m², thuộc thửa đất số 85, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tổ 5, ấp 3, xã F (nay là khu phố T, thị trấn L), huyện L, tỉnh Bình Phước. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/9/1989 đứng tên cụ Đỗ Văn K. Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà tạm, kết cấu vật liệu gỗ, diện tích sử dụng khoảng 60m² và cây ăn quả trên đất. Sau khi cụ K chết thì toàn bộ tài sản trên chưa được mở thừa kế và chưa phân chia thừa kế theo pháp luật cho những người được hưởng quyền thừa kế.

Ngày 13/9/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L đã chứng thực Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế đối với tài sản của cụ Đỗ Văn K cho ông Lưu Hoàng D1, cụ thể là: Văn bản chứng thực số 22, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế; Văn bản chứng thực số 23, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản nhận tài sản thừa kế.

Bà N biết được 02 Văn bản chứng thực trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L là vào đầu năm 2012. Tuy nhiên, đến đầu tháng 11 năm 2016 thì bà N mới phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Đỗ Thị T3 có chỉnh lý về nội dung ở trang 4 là dựa trên 02 Văn bản chứng thực trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L, do đó 02 Văn bản chứng thực trên đã trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Vì vậy, bà N khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại và được hướng dẫn, bà N đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu tuyên hủy toàn bộ nội dung văn bản chứng thực số 22, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế; Hủy toàn bộ nội dung văn bản chứng thực số 23, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản nhận tài sản thừa kế bởi các lý do sau:

- Quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L không cung cấp được toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc chứng thực Văn bản phân chia tài

sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế để xem xét, đánh giá tính hợp pháp về trình tự, thủ tục chứng thực. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L xác định việc chứng thực Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế được chứng thực đúng trình tự, thủ tục là không có căn cứ.

- Tài sản để lại thừa kế là của cụ Đỗ Văn K. Tuy nhiên, những người tham gia phân chia tài sản thừa kế và người nhận tài sản thừa kế không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Văn K, trong khi đó bà Phạm Thị N là người thừa kế thế vị của ông Đỗ Văn B vẫn còn sống.

- Việc niêm yết Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế là không khách quan, bởi lẽ: Ngày 22/6/2011, tại Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L đã trực tiếp hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà N với ông Lưu Hoàng D1, ông Lưu Hoàng D2 nhưng phiên hòa giải không thành. Mặt khác, ngay sau hòa giải (hòa giải buổi chiều ngày 22/6/2011) thì cùng ngày Ủy ban nhân dân thị trấn L niêm yết và việc niêm yết thể hiện trong lời chứng thực là vào ngày 22/6/2011, không có niêm yết tại nơi trước đây người để lại di sản thừa kế, do đó đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp cho của bà N.

- Nội dung Văn bản phân chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ K diện tích đất 3.917m² theo giấy chứng nhận số 501 ngày 01/9/1989, tuy nhiên nội dung Văn bản nhận tài sản thừa kế thể hiện nhận tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.879,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 554637 (số vào sổ 01141 QSDĐ/10/2003/QĐ - UB ngày 31/12/2003) mang tên hộ bà Đỗ Thị T3.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L trình bày:

Ngày 13/9/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L đã chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế (Văn bản chứng thực số 22, quyển số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011) và chứng thực văn bản nhận tài sản thừa kế (Văn bản chứng thực số 23, quyển số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011)

Tài sản phân chia thừa kế và tài sản nhận thừa kế là của cụ Đỗ Văn K, tuy nhiên có sự mâu thuẫn giữa nội dung văn bản phân chia tài sản thừa kế và văn bản nhận tài sản thừa kế thì ông không biết nguyên nhân vì sao. Thời hạn niêm yết 02 văn bản trên để chứng thực là 30 ngày kể từ ngày niêm yết, tuy nhiên, trong nội dung lời chứng thực thể hiện từ ngày 22/6/2011 đến ngày 13/9/2011 là không chính xác là do ghi nhầm lẫn, chính xác phải là từ ngày 13/8/2011 đến ngày 13/9/2011. Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT thì có quy định rõ về thẩm quyền và nội dung chứng thực đối với tài sản là quyền sử dụng đất, mặt khác đã hết thời hạn niêm yết Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế nhưng không có ai khiếu nại gì. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế là đúng quy định pháp luật.

Mặt khác, thời hiệu giải quyết khiếu nại đã hết, tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1463/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 là không đúng. Do đó, thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính trên của bà Như là đã hết. Đề nghị Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Lưu Hoàng D1, ông Lưu Hoàng D2, bà Lưu Thị Thùy D3 và ông Lưu Hoàng D4 thống nhất trình bày:

Ông D1, ông D2, ông D4 và bà D3 là con ruột của bà Đỗ Thị T3 (chết năm 2009), là cháu ngoại của cụ ông Đỗ Văn K và cụ bà Nguyễn Thị C. Cụ ông Đỗ Văn K và cụ bà Nguyễn Thị C có 04 người con, gồm: Ông Đỗ Văn T1 tên gọi khác là Trần Đại H (chết năm 2008), ông Đỗ Văn T2 chết năm 1983, ông Đỗ Văn B chết năm 1972, bà Đỗ Thị T3 chết năm 2009, trong số 04 người con thì chỉ có bà Đỗ Thị T3 là con chung giữa cụ K và cụ C, những người còn lại là con riêng của cụ C.

Vào năm 2011 (không nhớ ngày tháng), sau khi bà T3 chết, ông D1, ông D2, ông D3 và bà D4 có đến Ủy ban nhân dân thị trấn L để yêu cầu chứng thực việc phân chia tài sản thừa kế và nhận tài sản thừa kế; các ông, bà đã cung cấp giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của bà T3, Sổ trắng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đỗ Văn K; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Đỗ Thị T3; Giấy chứng tử của cụ K, cụ C và bà T. Sau đó, có cán bộ đưa 02 mẫu Văn bản phân chia tài sản thừa kế, Văn bản nhận tài sản thừa kế và hướng dẫn điền thông tin vào nội dung 02 mẫu văn bản này.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Đỗ Thị T3 ban hành vào ngày 31/12/2003 sau khi đã đo đạc chính quy. Tại thời điểm yêu cầu chứng thực Văn bản phân chia tài sản thừa kế và Văn bản nhận tài sản thừa kế thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.879,5m² đứng tên hộ bà Đỗ Thị T3 vẫn chưa phát hành nên không cung cấp cho người có thẩm quyền chứng thực, đồng thời, bà N đang ở trên một phần đất diện 1.879,5m² từ năm 2007 cho đến nay. Hiện bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đỗ Thị T3 trang thứ 4 có nội dung chính lý, các ông, bà đã nộp lại cho Ủy ban nhân dân huyện L tại bộ phận một cửa vào ngày 17/01/2018. Tài sản phân chia thừa kế và tài sản nhận thừa kế là của bà Đỗ Thị T3. Trong văn bản phân chia tài sản thừa kế thể hiện là của cụ Đỗ Văn K, trong khi văn bản nhận tài sản thừa kế thể hiện là nhận tài sản của bà T3 là do cán bộ Ủy ban nhân dân thị trấn L hướng dẫn theo mẫu và người điền thông tin trong 02 mẫu Văn bản trên là ông D2. Do ông, bà không nắm rõ quy định pháp luật nên không biết, còn thực tế ông, bà chỉ thỏa thuận phân chia tài sản và nhận tài sản thừa kế của bà Đỗ Thị T3 để lại.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ nội dung văn bản chứng thực số 22, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản phân chia di sản thừa kế và hủy toàn bộ nội dung văn bản chứng thực số 23, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản nhận di sản thừa kế thì ông D1, ông D2, ông D4 và bà D3 không đồng ý.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 15/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 158 và điểm b Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 24, 25 và 26 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Các Điều 676, 677, 733, 734 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Các Điều 24, 52 và 62 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực; Mục 1, mục 5 Phần 1 và mục 3 Phần 2 của Thông tư số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất; Mục 7 phần 1 Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 hướng dẫn thi hành Nghị định số

75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về Công chứng, chứng thực;

Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của bà Phạm Thị N,

Tuyên hủy toàn bộ Văn bản chứng thực số 22, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 về việc phân chia tài sản thừa kế và Văn bản chứng thực số 23, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 về việc nhận tài sản thừa kế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm có tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 16/7/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-HC, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không đồng ý với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước vì cho rằng việc bà N khởi kiện vụ án hành chính đối với văn bản chứng thực số 22 về phân chia tài sản thừa kế và văn bản chứng thực số 23 về Văn bản nhận tài sản thừa kế cùng ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L là đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước; tuyên hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện L và chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2017, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà N và người đại diện theo ủy quyền của bà N cùng xác định bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy toàn bộ nội dung văn bản chứng thực số 22, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế; Hủy toàn bộ nội dung văn bản chứng thực số 23, quyền số 01/TP/CT-SCT-HĐGD ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L về việc chứng thực văn bản nhận tài sản thừa kế. Lý do bà N khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ hai văn bản chứng thực

nêu trên vì di sản thừa kế được ông D1, ông D2, ông D4 và bà D3 thỏa thuận phân chia là di sản của cụ Đỗ Văn K để lại, những người tham gia phân chia di sản thừa kế và người nhận di sản thừa kế không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Văn K, trong khi đó bà Phạm Thị N là người thừa kế thế vị của ông Đỗ Văn B vẫn còn sống và hiện vẫn còn đang sinh sống trên diện tích đất là di sản thừa kế được phân chia.

Mặt khác, liên quan đến diện tích đất 3.917m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1989 đứng tên cụ Đỗ Văn K là di sản thừa kế của cụ K thì vào tháng 05/2011, bà N đã có đơn yêu cầu UBND thị trấn L giải quyết về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất. Ngày 22/6/2011, UBND thị trấn L đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa bà N với ông D nhưng do hòa giải không thành nên Ban hòa giải đề xuất lập hồ sơ chuyển đến Tòa án để xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Ngày 05/10/2011 bà N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện L yêu cầu ông D2 và ông D1 trả lại diện tích đất có nguồn gốc là di sản thừa kế và được Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý vụ án ngày 10/01/2012. Sau đó, khi phát hiện ra trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà T3 đã được điều chỉnh dựa trên hai văn bản chứng thực số 22 và 23 nêu trên thì bà N đã rút đơn khởi kiện vụ án dân sự để thực hiện việc khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện L và đã được xem xét giải quyết về nội dung điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn về văn bản chứng thực thì cũng được hướng dẫn nộp đơn khiếu nại tại UBND thị trấn L hoặc khởi kiện tại Tòa án. Như vậy, đối với tài sản là di sản thừa kế được ông D1, ông D2, ông D4 và bà D3 thỏa thuận phân chia và đã được chứng thực vẫn đang có sự tranh chấp và chưa được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình nhận và thụ lý đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn bà N sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế và yêu cầu tuyên bố hai văn bản chứng thực số 22 về việc phân chia tài sản thừa kế và văn bản chứng thực số 23 về việc nhận tài sản thừa kế cùng ngày 13/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L vô hiệu để giải quyết theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự mà lại thụ lý và giải quyết nội dung khởi kiện của bà N theo trình tự, thủ tục tố tụng hành chính là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thụ lý và giải quyết vụ án không đúng bản chất sự việc, không đúng quan hệ pháp luật, không giải quyết được toàn diện và triệt để vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của đương sự theo thủ tục tố tụng hành chính là không đúng quan hệ pháp luật, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên cần chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên hủy bản án hành chính sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước; Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật;

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Được xem xét giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Lộc Ninh;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh